TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **28**/2025/HNGĐ - ST Ngày 08 - 9 - 2025 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Mạnh Hùng

2. Bà Trịnh Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2025/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST - HNGĐ ngày 27/8/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị T, sinh năm 1995 (có mặt)

Căn cước công dân số: 038195034307; ngày cấp: 28/6/2021.

ĐKHKTT: Thôn M, xã C, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Anh Đàm Tiến T2, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Căn cước công dân số: 038083049089; ngày cấp: 28/6/2021.

ĐKHKTT: Thôn M, xã C, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 02/7/2025, bản tự khai ngày 16/7/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Đàm Tiến T2 xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T3, huyện C1, tỉnh Thanh Hóa nay là UBND xã C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 08/8/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp. Anh T2 hay nghi ngờ chị không chung thủy, tính cách vũ phu, thường xuyên đánh đập chị. Chị không thể chịu đựng được nữa nên đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn M, xã C, tỉnh Thanh Hóa để ở. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh T2 không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đàm Tiến T2.

- Về con chung: Chị và anh T2 có 2 con chung là Đàm Thị O, sinh ngày 05/12/2014 và Đàm Thị Bảo Ch, sinh ngày 04/12/2016. Hiện nay 2 cháu đang ở với chị. Chị làm công nhân tại Công ty giày da K, thu nhập bình quân mỗi tháng là 10.000.000đ, chị đảm bảo đủ khả năng để nuôi dưỡng con. Nguyện vọng của chị khi ly hôn xin được nuôi 2 con và yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi mỗi con là 2.000.000đ/tháng (2 con là 4.000.000đ/tháng). Tại Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải chị xin được nuôi cháu Đàm Thị Bảo Ch còn giao cháu Đàm Thị O cho anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Đàm Tiến T2:*

Tòa án đã thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Đàm Tiến T2. Nhưng trong thời hạn quy định anh T2 không nộp văn bản nêu ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập.

** Bản tự khai ngày 07/8/2025 tại thôn M, xã C, tỉnh Thanh Hóa bị đơn anh Đàm Tiến T2 trình bày:* Anh và chị Vũ Thị T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T3, huyện C1, tỉnh Thanh Hóa nay là UBND xã C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 08/8/2014. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Dẫn đến cãi vã, xô xát nhau và không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhiều lần nhưng không khắc phục được. Chị T đã đem con về nhà ngoại ở từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh cũng đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị T vẫn không quay về. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý, mong muốn vợ chồng được đoàn tụ như lúc đầu để cùng nhau nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Anh và chị T có 2 con chung là Đàm Thị O, sinh ngày 05/12/2014 và Đàm Thị Bảo Ch, sinh ngày 04/12/2016. Hiện nay 2 con đang ở với chị T. Nếu vợ chồng phải ly hôn anh có nguyện vọng xin được nuôi cháu Đàm Thị O còn chị T nuôi cháu Đàm Thị Bảo Ch, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Anh T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa*: Chị Vũ Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Đàm Tiến T2. Về con chung: Chị T xin được nuôi cháu Đàm Thị Bảo Ch còn anh T2 nuôi cháu Đàm Thị O, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và không có mặt tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị T được ly hôn anh T2.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Đàm Thị Bảo Ch, sinh ngày 04/12/2016 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Đàm Thị O, sinh ngày 05/12/2014 cho anh T2 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T và anh T2 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị T và anh T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Đàm Tiến T2 có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã C, tỉnh Thanh Hóa nên chị Vũ Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn và nuôi con là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 BLTTDS.

Anh Đàm Tiến T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh T2 vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt anh T2 là đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2. 1]. Hôn nhân giữa chị Vũ Thị T và anh Đàm Tiến T2 dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, mất mát niềm tin, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không quan tâm đến nhau. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh T2. Về phía anh T2, mong nuốn vợ chồng đoàn tụ nhưng Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh T2 vẫn vắng mặt không có lý do, không có thiện chí để hòa giải đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh T2 là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Chị T và anh T2 có 2 con chung là Đàm Thị O, sinh ngày 05/12/2014 và Đàm Thị Bảo Ch, sinh ngày 04/12/2016. Khi ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đàm Thị Bảo Ch và giao cháu Đàm Thị O cho anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với anh T2 nếu vợ chồng ly hôn anh xin được nuôi cháu Đàm Thị O còn chị T nuôi cháu Đàm Thị Bảo Ch. Xét thấy nguyện vọng xin được nuôi con của chị T và anh T2 là chính đáng. Xét về điều kiện nuôi con của chị T và anh T2 đều có đủ điều kiện nuôi con. Hai bên gia đình nội ngoại ở gần nhau, cách nhau khoảng 700m nên việc đi lại cũng thuận tiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện nên cần giao cháu Đàm Thị Bảo Ch cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Đàm Thị O cho anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng, chị T và anh T2 không yêu cầu

cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2. 3]. Về tài sản và nợ chung: Chị T và anh T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chị Vũ Thị T được ly hôn anh Đàm Tiến T2.

2. Về con chung: Giao cháu Đàm Thị Bảo Ch, sinh ngày 04/12/2016 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Đàm Thị O, sinh ngày 05/12/2014 cho anh T2 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T và anh T2 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Vũ Thị T và anh Đàm Tiến T2 có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu số 0001965 ngày 09/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chấp nhận chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Thanh Hóa;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã C;
- Lưu hs, vp.

(đã ký)

Trịnh Thị Hà